

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THANH HÓA

Số: 104/2026/QĐST-HNGĐ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 149/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh [Nguyễn Văn K](#) - Sinh năm 1996

Số CCCD: 038096016725

Địa chỉ: [Thôn V, xã T, tỉnh Thanh Hóa](#)

2/ Chị [Phạm Thị D](#) – Sinh năm 1996

Số CCCD: 038196032897

Địa chỉ: [Thôn V, xã T, tỉnh Thanh Hóa](#)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh [Nguyễn Văn K](#) và chị [Phạm Thị D kết H](#) với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (cũ), nay là [xã T, tỉnh Thanh Hóa](#), và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Do đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, anh [K](#) và chị [D](#) đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh [Nguyễn Văn K](#) và chị [Phạm Thị D](#).

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là:

[Nguyễn Hoàng Minh K1](#), sinh ngày 28/8/2022

[Nguyễn Hoàng Minh T](#), sinh ngày 08/6/2024

Hai bên thống nhất, giao cháu [Nguyễn Hoàng Minh K1](#) cho mẹ là [Phạm Thị D](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, giao cháu [Nguyễn Hoàng Minh T](#) cho bố là [Nguyễn Văn K](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Việc thỏa thuận về nuôi con chung của các bên là phù hợp nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa anh [Nguyễn Văn K](#) và chị [Phạm Thị D](#).

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 18 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh [Nguyễn Văn K](#) và chị [Phạm Thị D](#).

- Về con chung: Giao con chung cháu [Nguyễn Hoàng Minh K1](#), sinh ngày 28/8/2022 cho chị [Phạm Thị D](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, giao con chung cháu [Nguyễn Hoàng Minh T](#), sinh ngày 08/6/2024 cho anh [Nguyễn Văn K](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Anh [Nguyễn Văn K](#) và chị [Phạm Thị D](#) được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự anh [Nguyễn Văn K](#) và chị [Phạm Thị D](#) mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), hai bên thống nhất anh [K](#) chịu lệ phí của cả hai người phải nộp. Chuyển số tiền anh [K](#) đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số: BLTU/26E/0003438 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Thanh Hoá sang phần lệ phí của anh [K](#) và chị [D](#). Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Thanh Hoá;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá
- UBND xã Tổng Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Xuân Sang